

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ

Tầng 7, Số 46-48 Bà Triệu, P.Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, HN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH *QUÝ I NĂM 2024*



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	01/01/2024
1	2	3	4	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	1			
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		50.146.843.621	51.840.205.922
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		33.966.658.292	25.260.226.560
1. Tiền	111		8.966.658.292	260.226.560
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	25.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.000.000.000	16.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		16.000.000.000	16.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		180.185.329	10.500.740.030
1. Phải thu của khách hàng	131			10.000.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		1.273.000	1.222.222
3. Các khoản phải thu khác	135		178.912.329	499.517.808
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			79.239.332
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152			79.239.332
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		45.680.250	45.680.250
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220			
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
IV. Tài sản dài hạn khác	260		45.680.250	45.680.250
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		45.680.250	45.680.250
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		50.192.523.871	51.885.886.172
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		776.381.833	2.688.300.409
I. Nợ ngắn hạn	310		776.381.833	2.688.300.409
1. Phải trả người bán	312			
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		717.987.662	1.842.193.275
3. Phải trả người lao động	315		28.329.573	54.633.491
4. Chi phí phải trả	316		18.400.000	40.000.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		11.664.598	751.473.643
II. Nợ dài hạn	330			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.416.142.038	49.197.585.763
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(583.857.962)	(802.414.237)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		50.192.523.871	51.885.886.172

Người lập biểu

Hoàng Thị Thái

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thái



Lê Xuân Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

QUÝ I NĂM 2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	QI-2024	QI-2023
1. Doanh thu	1		-	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=1-2)	10		-	
4. Giá vốn bán hàng	11		-	
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		-	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		378.693.137	243.972.061
7. Chi phí tài chính	22		-	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		105.757.672	236.953.950
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-25)	30		272.935.465	7.018.111
10. Thu nhập khác	31		259.879	
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		259.879	-
13. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		273.195.344	7.018.111
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		54.639.069	1.403.622
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		218.556.275	5.614.489
17. Lãi trên cổ phiếu			43,71	1,12

Lập ngày 31 tháng 03 năm

Người lập biểu

Hoàng Thị Thái

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thái



Chủ tịch hội đồng
quản trị

Lê Xuân Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
QUÝ I NĂM 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I-2024	Quý I-2023
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	1			
1. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(23.313.000)	(439.124.400)
2. Tiền chi trả cho người lao động	03		(134.883.110)	(56.403.183)
3. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.831.291.275)	
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.000.000.000	
5. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(3.379.500)	(19.301.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.007.133.115	(514.828.683)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	2			
1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
2. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		699.298.617	167.828.376
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		699.298.617	167.828.376
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	3			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		8.706.431.732	(347.000.307)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		25.260.226.560	41.792.490.711
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		33.966.658.292	41.445.490.404

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Hoàng Thị Thái

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thái



Lê Xuân Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ
Tầng 7, tòa nhà 46_48 Bà Triệu, P.Hàng Bài, Q.Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

BÁO CÁO VỐN CHỦ SỞ HỮU QUÝ I NĂM 2024

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ tại		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ tại	
	01/01/2023	01/01/2024	Kỳ năm 2023		Kỳ năm 2024		31/12/2023	31/03/2024
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000					50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần								
3. Vốn khác của chủ sở hữu								
4. Cổ phiếu quỹ								
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái								
6. Quỹ đầu tư phát triển								
7. Lợi nhuận chưa phân phối	(8.171.992.938)	(802.414.237)	7.369.578.701		218.556.275		(802.414.237)	(583.857.962)
Cộng	41.828.007.062	49.197.585.763	7.369.578.701		218.556.275		49.197.585.763	49.416.142.038

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch hội đồng quản trị



Lê Xuân Tùng

Hoàng Thị Thái

Hoàng Thị Thái



Công ty CP Quản lý Quỹ Quốc Tế

Tầng 7, tòa nhà 46_48 Bà Triệu, P.Hàng Bài, Q.Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/03/2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Quốc Tế (dau đây gọi tắt là " công ty") tiền thân là công ty CP quản lý quỹ An Phú được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015273 do sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà nội cấp ngày 29/12/2006, giấy phép hoạt động số 17/UBCK - GPĐQLQ ngày 29/12/2006, giấy phép bổ sung số 240/QĐ- UBCK ngày 02/04/2007, giấy phép điều chỉnh số 19/UBCK- GPĐC ngày 18/08/2008 và giấy phép điều chỉnh số 55/UBCK - GPĐC ngày 04/09/2009, giấy phép điều chỉnh số 61/UBCK- GPĐC ngày 01/02/2010 và giấy phép điều chỉnh số 20/UBCK-GPĐC ngày 27/10/2011.. Theo giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC -UBCK do UB chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/08/2012 đổi tên Công ty CP quản lý quỹ An Phú thành công ty CP quản lý quỹ Quốc Tế. Vốn điều lệ của công ty là: 50,000,000,000 VNĐ (Năm mươi tỷ đồng chẵn)

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán

Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

Tổng số công nhân viên và người lao động: 12

Trong đó:

- Nhân viên quản lý 1
- Tuyển dụng mới 3
- Chuyển công tác 1
- Kỳ luật 0
- Những người đã được cấp CCHN 6

Tên	Chứng chỉ số	Ngày cấp
1 Ông Nguyễn Quốc Bình	00920/QLQ	28/05/2013
2 Ông Nguyễn Phúc Thịnh	773/QĐ-CCHNQLQ	10/10/2011
3 Ông Nguyễn Tiến Dũng	754/QĐ-CCHNQLQ	10/10/2011
4 Bà Quàn Lê Phương Quy	000721/QLQ	05/05/2011
5 Bà Trịnh Ngọc Duyên	001230/QLQ	31/03/2015
6 Ông Trần Kiên Cường	001999/QLQ	13/06/2022

II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho công ty cổ quản lý quỹ ban hành theo thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính



(Handwritten signature)

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc, Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như đối với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó: Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh; Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tài, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn (phân bổ không quá 2 năm);
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ 3 % trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kê toán theo phương pháp giá gốc, Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kê toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kê toán chung như đối với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó: Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh; Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn (phân bổ không quá 2 năm);
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ 3 % trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cộng		54.633.491	28.329.573
4 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ		Đầu kỳ	Cuối kỳ
Chi phí kiểm toán		40.000.000	18.400.000
Cộng		40.000.000	18.400.000
5 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC		Đầu kỳ	Cuối kỳ
		VNĐ	VNĐ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.831.291.275	54.639.068
- Thuế GTGT phải nộp			660.246.594
- Thuế thu nhập cá nhân		10.902.000	3.102.000
Cộng		1.842.193.275	717.987.662
6 . VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Khoản mục	Vốn đầu tư	Quý dự	Quý đầu tư
Lợi nhuận sau			
Năm trước			
1. Số dư đầu năm trước	41.840.090.758		
2. Tăng trong năm trước	7.369.578.701		
- Tăng vốn năm trước			
- Lãi trong năm trước	7.369.578.701		
- Tăng khác			
3. Giảm trong năm trước	12.083.696		
- Giảm vốn năm trước			
- Lỗ trong năm trước			
- Giảm khác	12.083.696		
4. Lãi lỗ lũy kế	(802.414.237)		
5. Số dư cuối năm trước	49.197.585.763		
Năm nay			
1. Số dư đầu năm nay	49.197.585.763		
2. Tăng trong năm nay	218.556.275		
- Tăng vốn trong năm nay			
- Lãi trong năm nay	218.556.275		
- Tăng khác			
3. Giảm trong năm nay			
- Giảm vốn trong năm nay			
- Lỗ trong năm nay			
- Giảm khác			
4. Lãi lỗ lũy kế	(583.857.962)		
5. Số cuối năm nay	49.416.142.038		
7 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC		Đầu kỳ	Cuối kỳ
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		743.740.741	3.000.000
- Kinh phí công đoàn		7.732.902	8.664.598
Cộng		751.473.643	11.664.598
8 . DOANH THU		Quý I năm 2023	Quý I năm 2024
		VNĐ	VNĐ

Doanh thu cung cấp dịch vụ
Doanh thu tài chính
Cộng

243.972.061	378.693.137
243.972.061	378.693.137

9 . CHI PHÍ

- Giá vốn cung cấp dịch vụ
- Chi phí quản lý
- Thuế, phí lệ phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
Cộng

Quý I năm 2023	Quý I năm 2024
VNĐ	VNĐ
-	-
41.115.700	102.350.265
3.000.000	3.000.000
192.838.250	407.407
236.953.950	105.757.672

10 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
- Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Quý I năm 2023	Quý I năm 2024
VNĐ	VNĐ
5.614.489	218.556.275
5.614.489	218.556.275
5.000.000	5.000.000
1,12	43,71

11 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2024

Phụ trách đơn vị



Lê Xuân Tùng